

Bản án số: 61/2024/HS-ST
Ngày: 23-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sóng Thành

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thế A (tên gọi khác: C), sinh năm 1991, căn cước công dân số 075091012394 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số D, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (1962) và bà Vũ Thị Thu H (1970); bị cáo là con thứ hai trong gia đình có năm chị em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 20/7/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (Một) năm 08 (T1) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” và 09 (C1) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt là 02 (Hai) năm 05 (Năm) tháng tù, theo Bản án số 30/2009/HS-ST, chấp hành xong ngày 30/8/2010; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2024 đến ngày 20/01/2024 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. (Có mặt)

2. Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1990, căn cước công dân số 046090009195 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M (1955) và bà Nguyễn Thị T2 (Chết); bị cáo là con út trong gia đình có sáu anh chị em và chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2024 đến ngày 20/01/2024 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Ông Phan Cửu V, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số C, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1961; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Minh C2, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Số B, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 09/01/2024, Nguyễn Ngọc P sử dụng xe mô tô biển số 72F5-2233 chở Nguyễn Thế A đi vào khu vực đường Đ - T thuộc xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai để mua rượu. Khi đi ngang qua cửa hàng V1 thuộc ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện có một xe máy cày, một sơ mi romooc đang để ở bãi đất trống (không có người trông coi) của gia đình ông Phan Cửu V. P và A bàn bạc lấy trộm và cùng đi bộ vào kéo romooc ra buộc vào phía sau xe mô tô biển số 72F5-2233. Anh điều khiển chở P kéo theo romooc đi về hướng cầu Đ - T. Khi gần tới cầu thì phát hiện hai cánh cửa sắt được hàn bằng lưới B40 (có kích thước 2m20 x 3m90) của gia đình bà Nguyễn Thị M1 để bên đường không có người trông coi, P và A đã lấy trộm cả hai cánh cửa sắt đưa lên romooc rồi tiếp tục đi đến rẫy trồng chuối của gia đình ông Nguyễn Minh C2 thuộc ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai để gửi lại romooc và hai cánh cửa sắt lưới B40, sau đó P và A đi về nhà.

Sáng ngày 10/01/2024, ông V truy tìm thì phát hiện romooc trên đang để ở rẫy của ông C2 nên đã báo Công an xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai đến hiện trường xác định vụ việc và lập biên bản tạm giữ toàn bộ vật chứng nêu trên.

Đến chiều ngày 10/01/2024, A và P đến Công an xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai đầu thú.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐGTS ngày 16/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định:

+ Một rờ mooc (bằng kim loại, gắn với đầu máy cày), mua từ năm 2010, đã qua sử dụng, trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

+ Hai cánh cửa sắt lưới B40, mua từ năm 2015, đã qua sử dụng, trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKS-TN ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Nguyễn Thế A và Nguyễn Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Anh từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo P từ 07 (Bảy) đến 09 (Chín) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại - ông Phan Cửu V, bà Nguyễn Thị M1 và người làm chứng - ông Nguyễn Minh C2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt:* Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên Nguyễn Thế A và Nguyễn Ngọc P đã có hành vi lén lút lấy trộm một romooc, trị giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng) của ông Phan Cửu V và hai cánh cửa sắt

được hàn bằng lưới B40, trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng) của bà Nguyễn Thị M1. Tổng giá trị tài sản P và A chiếm đoạt là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), vụ việc sau đó bị phát hiện nên P và A đã đến Công an xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Thế A và Nguyễn Ngọc P thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: “... *trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Do đó, Cáo trạng số 38/CT-VKS-TN ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố Nguyễn Thế A và Nguyễn Ngọc P về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo*: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Lẽ ra là thanh niên, các bị cáo phải nỗ lực phấn đấu, tu dưỡng bản thân, lao động để tạo ra của cải vật chất, giúp đỡ gia đình và xã hội nhưng các bị cáo lại đi vào con đường phạm tội. Do đó cần phải có mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi của các bị cáo gây ra, nhằm giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo*:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và ra đầu thú; tài sản bị thiệt hại đã được thu hồi trả cho các bị hại; bản thân các bị cáo có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế. Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo P thì đây là lần phạm tội đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò ngang nhau (đồng phạm giản đơn), các bị cáo không có sự bàn bạc phân công vai trò cụ thể mà cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội (cùng vào khiêng romooc và hai cánh cửa sắt rồi đem đến gửi tại rẫy của ông C2).

Căn cứ vào tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần tiếp

tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để các bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

Tuy nhiên, bị cáo A có nhân thân xấu nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo P như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Đối với bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự “*Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng*” đối với bị cáo là phù hợp.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về các biện pháp tư pháp*:

- Một romooc (bằng kim loại, gắn với đầu máy cày; mua từ năm 2010, đã qua sử dụng) là tài sản của ông Phan Cửu V và hai cánh cửa sắt lưới B40 (cột chung với nhau bằng dây xích), mua từ năm 2015, đã qua sử dụng là tài sản của bà Nguyễn Thị M1, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho các chủ sở hữu (*Theo Quyết định xử lý vật chứng số 410/QĐ-ĐTTH và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 07/3/2024*) là phù hợp.

- Một xe mô tô biển số 72F5-2233 là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Theo bị cáo A khai thì bị cáo đã mua chiếc xe trên của một thanh niên (không xác định được nhân thân, lý lịch). Qua xác minh, chiếc xe đứng tên chủ sở hữu là ông Phạm Thái S, địa chỉ I L, phường F, Vũng Tàu; tuy nhiên, do thay đổi địa giới hành chính và qua tra cứu dữ liệu dân cư không có công dân tên Phạm Thái S tại địa chỉ nêu trên nên chưa có cơ sở để xử lý vật chứng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Quá trình điều tra, các bị hại đều đã nhận lại tài sản bị thiệt hại và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] *Về các vấn đề khác*: Đối với ông Nguyễn Minh C2, theo các bị cáo khai đã đem romooc và hai cánh cửa sắt đến gửi tại rẫy của ông C2 nhưng ông C2 hoàn toàn không biết đó là tài sản các bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý ông C2 với vai trò đồng phạm.

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Tuy nhiên, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thế A (tên gọi khác: C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 07 (Bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2024.

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P 05 (Năm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2024.

2. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thế A và Nguyễn Ngọc P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CQTHAHS huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT-Công an huyện Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang